

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (2025 – 2026)
MÔN NGŨ VĂN, LỚP 12

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 12

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn hiện đại, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại	2 câu (10%)	2 câu (20%)	1 câu (10%)		5 câu (40%)
		Phóng sự, hồi kí, nhật kí.					
2	Viết	- Viết đoạn nghị luận văn học	1*	1*	1*	1*	1 câu (20%)
		- Viết văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong mỗi quan hệ gia đình, xã hội).	1*	1*	1*	1*	1 câu (40%)
Tổng			30%	40%	20%	10%	100%
			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT				Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá					40
	ĐỌC HIỂU							

			Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại). - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại) như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật. - Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. - Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại hoặc hậu hiện đại trong tiểu thuyết và truyện ngắn. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. - Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm. - Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản.	2	2	1	
--	--	--	---	---	---	---	--

			- Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm. Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại / hậu hiện đại), thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm. Vận dụng cao: - Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.	
--	--	--	--	--

**2. Phóng
sự, hồi kí,
nhật kí.**

Nhận biết:

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong phóng sự, hồi kí, nhật kí.
- Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí và nhật kí.
- Nhận biết được yếu tố phi hư cấu trong tác phẩm. Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết.

Thông hiểu:

- Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong phóng sự, hồi kí, nhật kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm.
- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong văn bản. Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

			- Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.					
2	VIẾT	1. Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong mỗi quan hệ gia đình, xã hội).	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.	1*	1*	1*	1*	40

		2. Nghị luận văn học: Viết một đoạn văn nghị luận văn học. Nhận biết - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 lớp để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn - Xác định rõ mục đích, đối tượng nghị luận Thông hiểu - Giải thích được khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận: - Triển khai thành các ý của đoạn văn - Kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đọc - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Vận dụng - Nêu được ý nghĩa, tác dụng của những đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp lí Vận dụng cao - Kết hợp các phương thức biểu đạt, các kiến thức tiếng Việt để tăng thuyết phục, hấp dẫn cho bài viết - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết	1*	1*	1*	1*	20
Tỉ lệ %			30%	40%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung			70%		30%		

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

*** Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,....
- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm tiểu thuyết, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện,
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn đau thể hiện chiều sâu của nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

*** Tri thức Ngữ văn**

1. Tiểu thuyết hiện đại

Tiểu thuyết là loại tác phẩm tự sự quy mô lớn, có khả năng thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. Từ những hình thái đầu tiên xuất hiện ở thời cổ đại, tiểu thuyết phát triển theo nhiều hướng khác nhau, tùy thuộc vào những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hoá, thẩm mỹ nhất định. Đến thời cận đại, hiện đại, tiểu thuyết đạt được bước tiến lớn, trở thành một thể loại chính của đời sống văn học và tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi, phát triển của nhiều thể loại khác.

Tiểu thuyết hiện đại là loại tiểu thuyết thể hiện một cách tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa. Trong tiểu thuyết hiện đại, giữa các xu hướng tìm tòi khác nhau có khoảng cách rất lớn. Điều này làm cho việc xác định diện chung của nó trở nên phức tạp. Tuy nhiên, nếu tạm bỏ qua những nét quá đặc biệt của từng xu hướng, có thể nói đến các đặc điểm nổi bật sau của tiểu thuyết hiện đại:

- Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi; không lí tưởng hoá hiện thực.
- Nhân vật là "con người nếm trải", không bất biến, có quá trình phát triển nhiều khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí.
- Có kết cấu nhiều tầng lớp, tuyến tính hoặc phi tuyến tính, có sự đan xen của nhiều bè ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.
- Có khả năng tổng hợp cao mọi thành tựu hay kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng.

2. Phong cách hiện thực

Phong cách hiện thực là phong cách nghệ thuật chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người, quan tâm miêu tả một cách chi tiết, "như thật" những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự "tô vẽ" hay lí tưởng hoá. Phong cách này có lịch sử phát triển lâu dài, tồn tại trong các sáng tác thuộc nhiều thể loại khác nhau của văn học, nghệ thuật như: thơ, truyện (bao gồm tiểu thuyết), kí, kịch, tác phẩm tạo hình... Trong văn học, phong cách hiện thực đạt đến đỉnh cao với những sáng tác thuộc trường phái hiện thực mà các đại diện tiêu biểu là S. Đích-ken (Ch. Dickens - Anh), H. đờ Ban-đắc (H. de Balzac Pháp), L. Tôn-xtôi (L. Tolstoy - Nga), Ph. Đốt-xtôi-ép-xki (F. Dostoyevsky - Nga), Lỗ Tấn (Trung Quốc),... Trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, phong cách hiện thực gắn với tên tuổi và sáng tác của các nhà văn như Ngô Tất Tố, Nguyên Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao,... Phong cách hiện thực thường được đặt trong tương quan so sánh, đối lập với phong cách lãng mạn - một phong cách ưu tiên việc thể hiện cảm nhận chủ quan, đôi khi lí tưởng hoá đối tượng được đề cập và coi trọng sự tưởng tượng, liên tưởng phóng túng.

3. Nói mỉa và nghịch ngữ

Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.

Trong nói mỉa, người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới nhưng phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bĩu. Nói mỉa chủ yếu

được nhận ra nhờ hiệu quả châm biếm mà lời nói mang lại. Trong các yếu tố tạo nên nói mỉa có thể có nghịch ngữ.

Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề, nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa. Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

Bài 6: HỒ CHÍ MINH “ VĂN HÓA PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI”

*** Yêu cầu cần đạt**

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người;

Nhận biết và phân tích được quan điểm của tác giả về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận

- Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kỹ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

- Phân tích và đánh giá được hiệu quả của việc dùng các biện pháp tu từ và cách diễn đạt thể hiện tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.

Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

- Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phân tài liệu tham khảo.

- Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

- Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập, phấn đấu noi theo tấm gương sống vì dân, vì nước của Người.

*** Tri thức Ngữ văn**

1. Quan điểm sáng tác:

Quan điểm sáng tác là hệ thống tư tưởng, nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn do chính nhà văn xác định dựa trên những trải nghiệm đời sống và nghệ thuật của mình. Quan điểm sáng tác có thể được chính nhà văn phát biểu một cách tường minh nhưng nhiều khi lại được độc giả khái quát nên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật.

Đối với các nhà văn cách mạng, quan điểm sáng tác thường được tuyên bố công khai, gắn với sự lựa chọn một thái độ chính trị dứt khoát, do đặc điểm của thời đại cách mạng quy định. Chính điều này làm nên tính đặc thù của những sáng tác thuộc loại hình văn học cách mạng

2. Đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học

Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần huy động trải nghiệm, kiến thức nhiều mặt và phải dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ, nhân văn, tư tưởng phù hợp. Điều quan trọng là phải đặt đối tượng vào tiến trình văn học để nhận ra mức độ đóng góp về nội dung tư tưởng và nghệ thuật của tác giả, tác phẩm đó. Những tác giả, tác phẩm lớn thường đạt được thành tựu quan trọng trong việc tổng hợp kinh nghiệm nghệ thuật phong phú của các giai đoạn văn học đã qua, tạo được bước phát triển có ý nghĩa cho văn học ở giai đoạn mới. Tuy khó tránh khỏi một số hạn chế do sự ràng buộc của thời đại, nhưng những tác giả, tác phẩm thực sự có tầm vóc thường chạm được vào các vấn đề nhân sinh vĩnh cửu, để tiếp tục đồng hành cùng bao lớp người đọc đến sau.

3. Tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

Trong văn bản nghị luận, tính khẳng định và tính phủ định luôn song hành. Tính khẳng định gắn với nội dung thuyết phục người đọc tin vào sự đúng đắn của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, cách lựa chọn, niềm tin nào đó. Ngược lại, tính phủ định gắn với ý đồ phản bác những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, cách lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp.

Để tăng cường tính khẳng định hoặc phủ định cho văn bản nghị luận, người viết thường sử dụng nhiều biện pháp thuộc các cấp độ khác nhau như: từ ngữ, cú pháp, phép tu từ, lập luận.

Bài 7: SỰ THẬT TRONG TÁC PHẨM KÍ

*** Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự và hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ đánh giá của người viết,...

- Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội

- Hiểu được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để vận dụng một cách hiệu quả trong giao tiếp.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

- Có cái nhìn tinh tế về hiện thực; biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.

*** Tri thức Ngữ văn**

1. Phóng sự

Phóng sự xuất hiện trên cơ sở phát triển của báo chí hiện đại, thường được xem là một thể loại thuộc loại hình kí. Phóng sự cung cấp cho người đọc cái nhìn chân thực về một sự việc, hiện tượng, thường là đặc biệt, có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống xã hội đương thời. Phóng sự thể hiện tính chiến đấu cao khi dùng sự thật để phản bác những nhận thức còn sai lệch và khẳng định điều tốt đẹp trong đời sống, tác động tích cực đến nhận thức của người đọc. Tính chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người và chi tiết là những đặc điểm cốt lõi của một bài phóng sự.

Để đảm bảo sự xác thực và độ tin cậy của thông tin, người viết phóng sự thường dùng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, ghi chép tại chỗ,... Với phóng sự, ngoài các tư liệu thực tế xác thực, tác giả còn có thể sử dụng các thủ pháp hư cấu ở một mức độ nhất định nhằm làm cho câu chuyện và các sự kiện được kể trở nên hấp dẫn hơn. Do vậy, bên cạnh việc đáp ứng những yêu cầu về mặt thông tin, nhiều phóng sự còn thể hiện tính thẩm mỹ, mang dấu ấn phong cách cá nhân người viết trong việc mô tả sự việc, hiện tượng; sử dụng nghệ thuật trần thuật, biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc,...

2. Hồi kí

Hồi kí là thể loại thuộc loại hình kí, có giá trị tư liệu cao, kể lại từ điểm nhìn chủ quan về những sự kiện, biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là nhân vật trung tâm hoặc là người tham dự, chứng kiến. Hồi kí luôn đề cao tính xác thực của những gì được kể. Câu chuyện về con người và sự việc trong hồi kí giúp độc giả vừa thấy rõ trải nghiệm phong phú và thế giới tinh thần riêng của người viết, vừa hình dung được diện mạo chân thực của đời sống lịch sử - xã hội và văn hóa một thời đã qua. Người viết hồi kí thường tập trung ghi chép, soi tỏ phần hiện thực mà mình hiểu rõ với tư cách là chứng nhân.

Trong hồi kí, tác giả là người kể chuyện ngôi thứ nhất, trực tiếp trình bày, mô tả về con người và sự việc. Cùng với đó, quy luật vận động riêng của trí nhớ đã làm cho hồi kí mang đậm tính chủ quan – một đặc điểm quan trọng tạo nên sức hút riêng của thể loại này.

3. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Ngôn ngữ trang trọng là phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp có tính nghi thức, tồn tại ở cả dạng viết và nói. Trong phong cách ngôn ngữ này, chủ thể phát ngôn

thường dùng những từ ngữ, câu thể hiện các ý tưởng, thông tin khách quan và thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người tiếp cận. Câu trong ngôn ngữ trang trọng thường đầy đủ thành phần và có thể được tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp.

Ngôn ngữ thân mật là phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp thường này, tồn tại ở dạng viết và nói. Trong ngôn ngữ thân mật, chủ thể phát ngôn thường dùng những từ ngữ, câu thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận; ở một số trường hợp đặc biệt, có thể dùng tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương,... Câu trong ngôn ngữ thân mật thường ngắn và có thể rút gọn thành phần.

B.YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố: nhân vật, người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn... trong truyện; tri thức về hồi kí, bút kí, phóng sự... để làm bài đọc hiểu.

2. Viết văn

- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ - Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội (Phần Viết ở Bài 7 - Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa... theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 12 tập 2 – **trang 52, 53, 54, 55, 56**).
- Nắm chắc kỹ năng viết đoạn văn nghị luận văn học.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ THAM KHẢO 1

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT

(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 12

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHỊ TÔI

Nguyễn Thị Thu Huệ

Tôi luôn nghĩ mình là đứa trẻ bất hạnh. Nhà nghèo nên việc học hành của tôi vất vả lắm. Mười một tuổi phải xuống Hải Phòng ở nhà cậu để vừa học vừa làm thêm. Vài năm sau, về nhà, bố mẹ lục đục. Nhà cửa tan hoang, tôi hỏi: “Chị đâu?”. Mẹ cười như mếu: “Vào Sài Gòn theo bác trưởng”. Tôi nhìn lên tường, chị cười tươi sau vành nón, hai mắt lóng lánh nước.

Hai năm sau trốn học, tôi về. Nhà cửa tươm tất. Tôi hỏi mẹ: “Chị đâu?”. Mẹ chum chim: “Chị làm to lắm, lấy chồng giàu gửi tiền thường xuyên”. Tôi hỏi: “Cả tiền nuôi con học?”. Mẹ gật, rồi nói: “Chị bảo đàn bà có thể không cần học chữ nhiều, chỉ cần học lễ thôi. Nhưng đàn ông thì cần có học. Có cả hai thứ ấy mới thành người”. Tôi im lặng, thầm cảm ơn bố mẹ sinh ra chị. Mẹ lại bảo: “Nghe nói con uống rượu?”. Tôi gật: “Cả nghiện thuốc?”. Tôi lại gật. “Có đánh nhau không?”. Tôi thờ dài nhìn chỗ khác. [...] Lúc đi mẹ dúm tiền vào túi, với theo: “Những cái con thích, chị không thích đâu. Chị muốn con làm sáng danh nhà mình”.

Tôi bớt hút thuốc bỏ dần rượu mỗi chiều mỗi sáng. Suy cho cùng rượu chỉ làm quên nỗi buồn trong chốc lát. Sau cơn say là cảm giác nhột thếch, khát thêm một cái gì không rõ rệt. Còn đáng sợ hơn cả nỗi buồn lúc tỉnh. Tôi vào đại học, vẫn không gặp chị. Chị vừa gần gũi vừa xa xôi. hàng chục năm rồi còn gì.

Tôi đổ loại ưu, được giữ lại trường làm giảng viên. Bố mẹ già dần không còn lục đục nữa. Hình như họ mệt. Tôi nhắc lại chuyện xưa, mẹ cười: “Vời mẹ, bây giờ cuộc sống là quý nhất”.

Mẹ đánh điện: “Về ngay, bác trưởng mất”.

Tôi về. Hôm sau, cả nhà lên tàu vào Nam. Bố mẹ thương bác và nghĩ đến phận già của mình. Tôi cũng thương bác nhưng nhớ chị nhiều hơn. Tôi thích gặp chị để chị thấy tôi không làm chị buồn.

Tàu vào ga. Mẹ nhấp nhóm không yên. Bỗng mẹ kéo giạt tôi: “Rút vào. Có tàu chạy qua phăng đầu đấy”. Tôi thì chả thấy con tàu nào cả, mẹ vẫn thất thần, cuống cuống hoảng loạn vì chuyện gì đó. Tôi đâm nghi ngờ cái sự hốt hoảng của mẹ. Tôi ngó nghiêng. Chẳng có gì đáng chú ý. Chỉ có một người đàn bà, phía bên kia đường ray dăm dăm nhìn chúng tôi. Quần đen, áo bà ba - người đàn bà thật nhỏ bé, nhếch nhác. Dưới chân là mẹt thuốc lá, bên cạnh là cái làn nhựa. bà đứng như bức tượng nghiêm lạnh giữa khung cảnh huyên náo bậc nhất này. Có một đoàn tàu dài chạy qua. Chật người và hàng hoá, chưa rời ga mà đã mệt mỏi quá. Tàu qua, tôi nhìn lại phía ấy. Không còn người đàn bà đó nữa.

Tôi và bố mẹ về nhà bác.

Dự đám tang xong, hai ngày sau, một mình tôi về Hà Nội, vì công việc, vì không gặp chị. Mọi dự định của tôi với chị tan hết. Mẹ bảo chị cùng chồng đi Đài Loan. Vợ chồng chị không có con nên hay đi lắm.

Sài Gòn mùa mưa mát và thơm mùi trái cây. Lên tàu sớm, tôi ngồi ngó lung tung. Bất chợt lại thấy người đàn bà đó. Vẫn những hành trang của mình, bà ta trân trối nhìn tôi. Tôi vẫy bà ta lại định mua giúp vài bao thuốc dù tôi đã bỏ từ lâu. Chị không thích tôi nghiện. Hình như bà ta chỉ đợi có thể, vội bước lên những thanh tà vẹt leo lên toa chỗ tôi ngồi. Hai mắt lóng lánh nước, trên khuôn mặt chẳng chịt nếp nhăn như sét rạch bầu trời mỗi khi mưa gió. Một bao Vinataba sáu nghìn năm trăm đồng, bà ta cứ dứt khoát lấy bốn nghìn. Tôi chực bực mình và ân hận vì cái thiện chí của mình. Thuốc giả, chỉ có đồ giả mới phá giá chung như thế. Bà ta biết không thể lừa được tôi nên mới bán hạ giá? Tôi quắc mắt ném trả lại bao thuốc. Lập tức, bà ta dúm tất cả vào lòng tôi năm bao thuốc và chạy biến, lẫn vào đám người lên xuống. Tôi sững sờ, việc gì phải sợ tôi như thế, tôi có tổ giặc bà ta đâu! Tàu đã chạy. Tôi nhìn ra cửa sổ. Người đàn bà lại đứng chỗ cũ, cách tôi những đường ray chẳng chéo.

Năm ngày sau, mẹ gọi điện: “Chị mất rồi. Tàu hoả cán”. Rồi khóc hu hu trong máy, mẹ tiếp: “Đã hoả táng”. Tôi gào to “Chị ở Đài Loan cơ mà”. Mẹ rên rỉ: “Chị con là cái người bán thuốc lá ở sân ga”.

Tôi lao ra sân trường. Trưa loang nắng, hấp hui gió. Chạy vào phòng bạn bè, tìm lại những bao thuốc. Thuốc hết, còn vỏ không, tôi ôm vào lòng bật khóc.

Tôi hiểu, đây là những thứ cuối cùng chị dành cho tôi.

(Nguồn: Báo Bình Định- Số ra ngày 10/12/2003)

Câu 1. (0,5 điểm): Xác định điểm nhìn trong văn bản trên.

Câu 2. (0,5 điểm): Hoàn cảnh khó khăn của gia đình “tôi” trong văn bản được thể hiện qua những chi tiết nào?

Câu 3. (1,0 điểm): Tại sao “tôi” lại không nhận ra chị mình là người bán thuốc lá?

Câu 4. (1,0 điểm): Đoạn văn sau thể hiện tâm trạng gì của “tôi” khi nghe tin chị mất?

Tôi lao ra sân trường. Trưa loang nắng, hấp hieu gió. Chạy vào phòng bạn bè, tìm lại những bao thuốc. Thuốc hết, còn vỏ không, tôi ôm vào lòng bật khóc.

Tôi hiểu, đây là những thứ cuối cùng chị dành cho tôi.

Câu 5. (1,0 điểm): Từ câu chuyện trên, anh/chị nhận thức được điều gì về cách trân trọng tình thân trong cuộc sống?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật người chị trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Từ truyện “Chị tôi” – Nguyễn Thị Thu Huệ được trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 500 chữ) bàn về cách ứng xử đúng đắn của tuổi trẻ trước sự hi sinh thầm lặng của những người thân trong gia đình.

----- HẾT -----

Chú thích:

Nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ sinh ngày 12/8/1966 tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; quê ở Thạch Phú, Bến Tre; tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Bà được đánh giá là nhà văn trẻ nổi tiếng trong nước.

Như Nguyễn Thị Thu Huệ đã từng nói “Văn chương là người tình tri kỉ của tôi”, bà có một tình yêu mãnh liệt với văn chương, có lẽ vì thế nên dưới ngòi bút của bà, những tác phẩm có phong cách rất sáng tạo và táo bạo. Tác phẩm của Thu Huệ mang cái nhìn sâu sắc, xuyên thấu, đầy sự thông cảm và sẻ chia với những nỗi bất hạnh của con người, nhất là phụ nữ.

ĐỀ THAM KHẢO 2

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BUI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT

(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 12

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Một số nhà văn, nhà báo những nước anh em cũng theo bộ đội đi chiến dịch. Vì thời gian chuẩn bị kéo dài, đã tới lúc họ phải trở về nước. Một buổi tối, anh Lê Liêm đề nghị tôi gặp bạn trước khi ra về. Cơ quan chính trị căng một chiếc dù hoa chiến lợi phẩm bên dòng suối lấp lánh ánh trăng làm nơi tiếp khách. Nhà văn Ba Lan nói:

- Thiên nhiên của các đồng chí đẹp quá? Khung cảnh thật là thanh bình.

Lúc này không có tiếng đại bác. Dưới ánh trăng, những mỏm núi đá nhấp nhô, mờ ảo. Tôi nói:

- Tôi cũng thấy phong cảnh ở đây rất đẹp. Tôi không phải nhà thơ nhưng cảm thấy cảnh này thật nên thơ. Chúng tôi lại sắp chiến đấu chính là để cho khắp đất nước đêm nào cũng đẹp như đêm nay.

Đồng chí nhà báo Tiệp Khắc nhận xét: - Quân đội của các đồng chí thật lạ? Tôi không thấy có sự cách biệt nào giữa vị tướng với người lính: Rồi anh kể lại, sáng hôm nay khi lội dọc suối vào sở chỉ huy, đã nhìn thấy đồng chí Tổng tham mưu phó nhường ngựa cho một chiến sĩ đau chân, xách giày trong tay, cùng lội suối với mọi người.

- Quân đội chúng tôi như vậy. Quan hệ giữa chúng tôi trước hết là quan hệ giữa những người đồng chí, những người bạn chiến đấu.

Cuối buổi gặp, đồng chí nhà văn Ba Lan hỏi bằng một giọng vừa lưu luyến vừa băn khoăn:

- Các đồng chí sắp đi chiến đấu, còn chúng tôi thì sắp lên đường trở về nước. Tôi muốn đề nghị đồng chí Tổng tư lệnh cho biết, sau đây chúng tôi sẽ nhận được tin gì về Điện Biên Phủ?

Tôi trả lời:

- Hoặc là các đồng chí sẽ không nhận được tin tức gì về Điện Biên Phủ, nhưng sẽ được tin chiến thắng của chúng tôi trên nhiều chiến trường khác. Hoặc là các đồng chí sẽ được tin chiến thắng ở Điện Biên Phủ, khi đó sẽ là một chiến thắng rất to.

(Trích *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử*, Võ Nguyên Giáp, Nxb Quân đội nhân dân, 2000)

Chú thích:

(1) Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013) là một nhà lãnh đạo quân sự và chính trị gia người Việt Nam.

(2) Hồi kí *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử* của tướng Giáp dày gần 500 trang, được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành lần đầu tiên vào năm 2000. Tên của cuốn hồi ký xuất phát từ câu nói nổi tiếng của ông: “Điện Biên Phủ là điểm hẹn mà lịch sử dành cho những cuộc chiến tranh xâm lược trong thời đại ngày nay”.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra vẻ đẹp về thiên nhiên và con người Việt Nam qua cảm nhận của nhà văn, nhà báo các nước anh em? (0,5điểm)

Câu 2. Xác định thông tin thể hiện quan điểm riêng mang tính chủ quan của người viết về Điện Biên Phủ? (0,5điểm)

Câu 3. Chủ đề chính của đoạn trích là gì? (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu trả lời của đồng chí Tổng tư lệnh ở cuối đoạn trích? (1,0 điểm)

Câu 5. Từ câu nói của nhân vật tôi: “*Chúng tôi lại sắp chiến đấu chính là để cho khắp đất nước đêm nào cũng đẹp như đêm nay.*” Anh/Chị hãy bày tỏ suy nghĩ về khát vọng hòa bình. (trình bày khoảng 5 - 7 dòng). (1,0 điểm)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật tôi trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Có thể chấp nhận thất bại nhưng nhất định không được chấp nhận buông xuôi.*

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn về cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại.

-----**HẾT**-----

